

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai quyết toán ngân sách năm 2022 của trường THPT
huyện Mường Nhé

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG THPT HUYỆN MƯỜNG NHÉ

Căn cứ điều 11 Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học được ban hành kèm theo thông tư 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/09/2020 quy định về nhiệm vụ và quyền của hiệu trưởng;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ; Thông tư số 90/2018/TTBTC ngày 29 tháng 08 năm 2018 của Bộ tài chính Sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 06 năm 2017 của Bộ tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà ước hỗ trợ;

Xét đề nghị của Phụ trách kế toán.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu quyết toán ngân sách năm 2022 của trường THPT Mường Nhé (theo các biểu đính kèm)

Điều 2. Giao kế toán tổ chức thực hiện công khai số liệu quyết toán ngân sách năm 2022 của trường THPT Mường Nhé dưới các hình thức: Công bố tại kỳ họp, niêm yết tại trụ sở làm việc của cơ quan .

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Phụ trách kế toán, các bộ phận liên quan và các cá nhân trong nhà trường chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu: VP; KT

HIỆU TRƯỞNG

Lê Trường Giang

Đơn vị: Trường THPT Mường Nhé

Chương: 422

Biểu số 4 - Ban hành kèm theo Thông tư số
90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 8 năm 2018 của Bộ
Tài chính

QUYẾT TOÁN THU - CHI NGUỒN NSNN NĂM 2022

(Kèm theo Quyết định số 40/QĐ-THPT MN, ngày 31/03/2023 của trường THPT THPT Mường Nhé
(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

ĐV tính: Triệu đồng

STT	Nội dung	Số liệu báo cáo quyết toán	Số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc (Nếu có đơn vị trực thuộc)
A	Quyết toán thu, chi nộp ngân sách phí, lệ phí				
1	Số thu phí, lệ phí				
1	Lệ phí				
1	Lệ phí				
2	Phí				
	Phí				
	Phí				
II	Chi từ nguồn thu phí được khấu trừ hoặc để lại				
1	Chi sự nghiệp				
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
2	Chi quản lý hành chính				
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước				
1	Lệ phí				
	Lệ phí				
2	Phí				
	Học phí				
B	Quyết toán chi ngân sách nhà nước				
I	Nguồn ngân sách trong nước				
1	Chi quản lý hành chính				
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia				



STT	Nội dung	Số liệu báo cáo quyết toán	Số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc (Nếu có đơn vị trực thuộc)
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở				
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng				
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	19.845,4	19.845,4	-	-
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	13.789,9	13.789,9		
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	6.055,4	6.055,4	-	-
	- Hỗ trợ chi phí học tập theo nghị định 81/2021	1.158,2	1.158,2		
	- Cấp bù học phí, theo nghị định 81/2021	96,1	96,1		
	- Hỗ trợ học sinh thôn xã đặc biệt khó khăn theo nghị định 116/2016	4.760,4	4.760,4		
	- Hỗ trợ học tập theo nghị định số 57/2017/NĐ-CP	4,5	4,5		
	- Hỗ trợ cho người khuyết tật theo TTLT 42/2013	32,2	32,2		
	- Sửa chữa nâng cấp tài sản (nguồn tính chất đầu tư)	4,1	4,1		
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
..					
III	Nguồn vay viện trợ nước ngoài				
1					
2					
..					
..					
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				

